

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2025/HS-ST
Ngày: 11- 11-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Quyết Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Ngọc Hiệp và bà Nguyễn Ngọc Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Ngọc Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Phú Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 11 năm 2025, tại điểm cầu trung tâm là phòng xét xử số 2, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai và điểm cầu thành phần tại Trại giam S Công an tỉnh Đ, xét xử sơ thẩm công khai trực tuyến vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 130/2025/TLST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2025/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2025, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1978 tại thành phố Đà Nẵng. Nơi đăng ký thường trú: Ấp A, xã B, tỉnh Đồng Nai. Nơi cư trú: Không ổn định. Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn K (đã chết) và con bà Phạm Thị K1, sinh năm 1949 (còn sống); Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ ba; Bị cáo có vợ tên Đặng Thị Kim Y, sinh năm 1979 (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2001.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 18/8/2003, bị Công an thành phố B ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 15/01/2009, bị TAND huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 02/2009/HSST (đã xóa án tích).

- Ngày 23/12/2009, bị TAND thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 683/2009/HS-ST (đã xóa án tích).

Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 11/6/2025, chuyển sang tạm giam từ ngày 12/6/2025, hiện đang tạm giam tại trại giam S Công an tỉnh Đ.

Bị cáo có mặt tại điểm cầu thành phần là phòng xét xử trực tuyến đặt tại trại giam S Công an tỉnh Đ.

Có sự tham gia giám sát, bảo vệ của các cán bộ, chiến sỹ của trại giam S Công an tỉnh Đ gồm các ông:

1. Trung tá Phạm Minh H.
2. Thiếu tá Lê Trần Thanh P.
3. Chiến sỹ Hồ Mạnh T1.
4. Chiến sỹ Đỗ Anh N.

*** Bị hại:**

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1985;
Hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, tỉnh An Giang.
Địa chỉ hiện nay: Ấp B, xã D, tỉnh Đồng Nai.
- Ông Lò Tsinh P1, sinh năm 1994;
Hộ khẩu thường trú: Ấp G, xã T, tỉnh Đồng Nai.
Địa chỉ hiện nay: Tổ G, ấp I, xã D, tỉnh Đồng Nai.
- Ông Dương Quốc C, sinh năm 1984;
Địa chỉ: Ấp T, xã B, tỉnh Đồng Nai.
- Ông Cao Trọng T2, sinh năm 1982;
Địa chỉ: Ấp H, xã H, tỉnh Đồng Nai.
- Ông Vũ Thế H1, sinh năm 1979;
Địa chỉ: Ấp H, xã H, tỉnh Đồng Nai.

(Bị cáo có mặt; những người tham gia tố tụng khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T là người không có nghề nghiệp ổn định, T có quan hệ bạn bè ngoài xã hội với Vũ Xuân H2 và T quen biết một người tên L (không rõ nhân thân lai lịch). Vào đầu tháng 11/2023, L nói với T đi bắt trộm chó của người dân bán lại cho L để kiếm tiền thì T đồng ý. Vào ngày 06/11/2023, khi H2 gọi điện thoại cho T thì T rủ H2 đi bắt trộm chó để bán kiếm tiền tiêu xài, H2 đồng ý. T và H2 bàn bạc, thống nhất sử dụng xe mô tô của H2 để đi bắt trộm chó, tiền bán chó trộm được T sẽ đưa cho H2 300.000 đồng để chi phí tiền xăng xe cho H2, số tiền còn lại cả hai sẽ chia đôi. Buổi sáng ngày 07/11/2023, L điều khiển xe mô tô (không rõ biển số, nhãn hiệu) đến nhà của T tại ấp H, xã H, tỉnh Đồng Nai đưa cho T 01 thùng sốp, 01 bình ắc quy, 01 cảm biến dòng điện, 01 cây súng bằng gỗ tự chế dùng để gắn 01 cây gỗ dài khoảng 40cm có gắn 02 mũi nhọn bằng kim loại, có nối dây điện dài khoảng 05 mét (gọi là súng bắn điện), sau đó T cất giấu phía sau nhà. Chiều ngày 07/11/2023, H2 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter, gắn biển kiểm soát 60B8-581.92 đến nhà T, sau đó T đeo 01 bình ắc quy trên người, nối dây điện cùng với khúc cây gỗ có gắn 02 thanh kim loại có mũi nhọn, sau đó gắn vào cây súng tự chế cầm trên tay, H2 điều khiển xe mô tô chở T ngồi phía sau đi trên các tuyến đường thuộc xã H, huyện T (cũ) tìm kiếm chó thả rông rồi dùng súng bắn điện tự chế bắn vào chó làm cho con chó bị dòng điện làm cho tê liệt, bất động rồi bắt trộm lên xe mô tô. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày thì T và H2 trộm được 04 con chó (không xác định được vị trí, địa điểm cụ thể) sau đó đi về nhà của T. T lấy 04 con chó trộm được nhốt vào lồng sắt phía sau nhà, còn H2 đi về. Đến ngày 08/11/2023, T gọi cho L (không nhớ số điện thoại) nói bắt được 04 con chó thì L nói chiều sẽ có người đến nhà T lấy chó. Khoảng 16 giờ cùng ngày có một người đàn ông (không có nhân thân lai lịch) điều khiển 01 xe tải (không rõ nhãn hiệu và biển số) đến nhà T lấy chó thì T chỉ cho người này chỗ T nhốt chó phía sau nhà. Sau khi cân 04 con chó được 34kg thì T và người này thoả thuận mua bán với giá 40.000 đồng/kg, do có 01 con chó bị già nên tổng số tiền T bán được chó là 1.100.000 đồng.

Đến khoảng 17 giờ ngày 08/11/2023, H2 tiếp tục điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Exciter, gắn biển kiểm soát 60B8-581.92 đến nhà của T để đi trộm chó. Khi H2 đến, T đã đưa cho H2 số tiền 700.000 đồng (trong đó: số tiền 400.000 đồng là tiền bán chó, số tiền 300.000 đồng là tiền T trả thêm cho H2 theo như thoả thuận), T hưởng lợi 400.000 đồng. Cũng với phương thức, thủ

đoạn như đã nêu trên, từ khoảng 21 giờ ngày 08/11/2023 đến khoảng 04 giờ 20 phút ngày 09/11/2023, T và H2 bắt trộm được tổng cộng 12 con chó, trong đó: 01 con chó loại chó phốc, lông màu nâu đen, giống cái, trọng lượng 10kg của anh Nguyễn Văn T tại ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Đồng Nai; 01 con chó loại chó phốc, lông màu đen, giống cái, trọng lượng 12kg của anh Lò T3 Phu tại ấp I, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai; 01 con chó loại chó phốc, lông màu trắng vàng, giống đực, trọng lượng 14kg của anh Dương Quốc C tại ấp T, xã S, huyện T; 01 con chó loại chó phốc, lông màu vàng, giống cái, trọng lượng 19kg của anh Cao Trọng T2 tại ấp H, xã H, huyện T; 01 con chó loại chó phốc, lông màu vàng đen, giống đực, trọng lượng 19kg của anh Vũ Thế H1 tại ấp H, xã H, huyện T và 07 con chó có trọng lượng từ 05kg đến 20kg nhưng chưa xác định được chủ sở hữu. Khi T và H2 đang bỏ số chó vừa trộm được vào các lồng sắt phía sau nhà T thì bị Công an xã H kiểm tra, phát hiện bắt giữ H2 còn T bỏ chạy, mang theo 01 bình ắc quy đeo trên người, 01 súng tự chế sử dụng để bắt trộm chó. Công an xã H tiến hành lập biên bản tạm giữ 10 con chó còn sống và 02 con chó đã chết; 01 xe mô tô nhãn hiệu Exciter, số khung: RLCE1S9408Y029412, số máy: 1S94029412, biển kiểm soát 72C1-647.13; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia gắn sim số 0346876023 của Vũ Xuân H2; 01 đoạn gỗ dài 30cm, đường kính 1,5cm, một đầu có gắn 02 cây sắt nhọn nối với 01 đoạn dây điện dài 5m, đầu dây điện có gắn phích cắm điện; 02 biển số xe mô tô gồm: 60B8-581.92 và 81N5-9379. Công an xã H đã lập hồ sơ ban đầu và chuyển hồ sơ đến Cơ quan điều tra Công an huyện T giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 135/KL-HĐĐGTS ngày 17/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng thuộc UBND huyện T kết luận: Tổng trị giá 05 con chó của anh Nguyễn Văn T, Lò T, Dương Quốc C, Cao Trọng T2 và Vũ Thế H1 là 5.180.000 đồng. Tổng trị giá 07 con chó mà H2 và T trộm cắp nhưng chưa xác định được chủ sở hữu là 4.900.000 đồng.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Nguyễn Văn T về tội Trộm cắp tài sản để điều tra, xử lý theo quy định pháp luật, T đã bỏ trốn nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã, tạm đình chỉ điều tra đối với T, đến ngày 11/6/2025 thì T bị bắt.

Xử lý vật chứng:

- Đối với biển số xe mô tô 60B8-581.92 và 81N5-9379, do chưa làm rõ được nguồn gốc nên Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để xác minh, xử lý sau.

- Đối với 01 bình ắc quy, 01 cây súng tự chế bằng gỗ là công cụ T sử dụng vào việc phạm tội. Tuy nhiên, quá trình bỏ chạy T đã vứt dọc đường, không xác định được vị trí cụ thể nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

- Đối với các vật chứng còn lại đã được giải quyết tại Bản án số 156/2024/HS-ST ngày 30/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom

Về dân sự: Đã được giải quyết tại Bản án số 156/2024/HS-ST ngày 30/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom nên không xem xét.

Tại bản cáo trạng số 98/CT-VKS-KV3 ngày 15/9/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai truy tố ra trước Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai để xét xử đối với bị cáo Nguyễn Văn T về tội: “Trộm cắp tài sản” theo quy định 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Ngày 26/9/2025, Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai trả hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai để điều tra bổ sung những vấn đề sau đây:

- Làm rõ sự mâu thuẫn về năm sinh của bị can trong lý lịch của bị can Nguyễn Văn T với 02 bản án hình sự sơ thẩm số 02/2009/HSST ngày 15/01/2009 của Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương và bản án hình sự sơ thẩm số 683/2009/HS-ST ngày 23/12/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Làm rõ bị cáo đã đóng án phí theo bản án hình sự sơ thẩm số 683/2009/HS-ST ngày 23/12/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai”.

Ngày 26/9/2025, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đồng Nai đã có văn bản số 246/CV-VKSKV3 về việc thực hiện yêu cầu bổ sung tài liệu, chứng cứ của Tòa án với nội dung sau:

1. Đối với tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bị can đã đóng án phí theo bản án hình sự sơ thẩm số 683/2009/HS-ST ngày 23/12/2009 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Nguyễn Văn T đóng án phí 200.000 đồng theo biên lai thu tiền số biên lai số 004410 ngày 21/4/2010 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, Thành phố Đà Nẵng (có tài liệu kèm theo).

2. Căn cứ tài liệu, chứng cứ thu thập cho trong hồ sơ, đủ căn cứ xác định: Bị can Nguyễn Văn T, sinh ngày 04/5/1978, CCCD số 048078001279, HKTT ấp A, xã B, tỉnh Đồng Nai có tiền án, tiền sự như sau:

- Ngày 18/8/2003, bị Công an thành phố B ra Quyết định xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 15/01/2009, bị TAND huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 02/2009/HSST (đã xóa án tích).

- Ngày 23/12/2009, bị TAND Tp , Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 683/2009/HS-ST (đã xóa án tích).

Trên đây là kết quả bổ sung tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của TAND khu vực 3 – Đồng Nai. Đề nghị TAND khu vực 3 – Đồng Nai xét xử vụ án theo quy định pháp luật”.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T: Từ 07 (bảy) đến 09 (chín) tháng tù.
- Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như cáo trạng đã truy tố và không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì đối với lời luận tội của đại diện Viện Kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng bị cáo đã nhận thức rõ về hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt mức thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Trong suốt quá trình điều tra, truy tố và xét xử cũng như tại phiên tòa, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng phù hợp với quy định của pháp luật tố tụng hình sự, các văn bản tố tụng được tổng đạt hợp lệ và đầy đủ, quyền được bào chữa và tự bào chữa của bị cáo được bảo đảm. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều phù hợp.

1.2. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng trước đó, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự này, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tới tham gia phiên tòa. Đồng thời, việc vắng mặt của những người này không trở ngại cho việc xét xử nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt và quyền kháng cáo của những người này được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

[2]. Về tội danh và hình phạt:

Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Đã có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 17 giờ ngày 08/11/2023 đến khoảng 04 giờ 20 phút ngày 09/11/2023, tại địa bàn các xã S, xã H thuộc huyện T và xã L 25, xã H thuộc huyện T, tỉnh Đồng Nai, Nguyễn Văn T đã thực hiện hành vi trộm cắp 05 con chó của các anh Nguyễn Văn T, Lò Tsình P1, Dương Quốc C, Cao Trọng T2 và Vũ Thế H1 với tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 5.180.000 đồng. Như vậy bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố các bị cáo về tội danh như đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo là người có nhân thân xấu. Bị cáo đã từng bị Tòa án xét xử về hành vi trộm cắp tài sản nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện mà tiếp tục phạm tội mới nên cần xử phạt bị cáo hình phạt tù có thời hạn với mức đủ nghiêm để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, sống tôn trọng pháp luật, đồng thời còn nhằm răn đe và phòng ngừa chung.

Vai trò của bị cáo trong vụ án này: Bị cáo và H2 phạm tội đồng phạm giản đơn, bị cáo là người rủ H2 đi trộm cắp tài sản nên hình phạt của bị cáo sẽ cao hơn H2.

[3]. Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thì thấy:

Về tình tiết tăng nặng: Không.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[4]. Về dân sự: Đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số 156/2024/HS-ST ngày 30/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với biển số xe mô tô 60B8-581.92 và 81N5-9379, do chưa làm rõ được nguồn gốc nên đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để xác minh, xử lý sau.

- Đối với 01 bình ắc quy, 01 cây súng tự chế bằng gỗ là công cụ T sử dụng vào việc phạm tội. Tuy nhiên, quá trình bỏ chạy T đã vút dọc đường, không xác định được vị trí cụ thể nên Cơ quan điều tra không thu hồi được nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với các vật chứng còn lại đã được giải quyết tại Bản án hình sự sơ thẩm số 156/2024/HS-ST ngày 30/5/2024 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Đối với Vũ Xuân H2: đã bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử theo quy định pháp luật tại Bản án hình sự sơ thẩm số 156/2024/HS-ST ngày 30/5/2024.

- Đối với hành vi trộm cắp 04 con chó vào ngày 07/11/2023 và 07 con chó chưa xác định được chủ sở hữu, Cơ quan điều tra đã thông báo truy tìm chủ sở hữu nhưng chưa có kết quả nên đề nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi có kết quả sẽ xử lý sau.

- Đối với đối tượng tên L, do T không biết nhân thân lai lịch, địa chỉ cụ thể nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ, xử lý theo quy định.

[7]. Về án phí: Do bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội nên bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

[8]. Quan điểm và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tội danh và hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, Điều 51; Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025).

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T: 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù được tính từ ngày 11 tháng 6 năm 2025.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

3. Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- VKSND khu vực 3- Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan thi hành án hình sự Công an tỉnh Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Quyết Tâm